

Số: 53 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-



CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4726/TTr-SCT ngày 13 tháng 10 năm 2020 về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai:

1. Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã, Tổ chức quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.”

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung một số khoản như sau:

a) Khoản 4 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“4. Hạng chợ

a) Chợ đầu mối: Là chợ chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế, vùng sản xuất tập trung hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác.

b) Chợ hạng 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh.

c) Chợ hạng 2: Là chợ có từ 200 điểm kinh doanh đến 400 điểm kinh doanh.

d) Chợ hạng 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh.

Hạng chợ được xác định cụ thể trong bảng danh sách chợ đang hoạt động

theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

b) Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“5. Phân nhóm khu vực, ngành hàng kinh doanh, đặc thù khác có liên quan tại chợ áp dụng đối với chợ đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước (sau đây gọi tắt là phân nhóm kinh doanh tại chợ): Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phân nhóm kinh doanh tại chợ cho phù hợp tình hình hoạt động của chợ, hoạt động của hộ kinh doanh tại chợ (tùy theo lợi thế cạnh tranh của từng chợ, từng khu vực, từng ngành hàng kinh doanh, từng đặc thù khác nhau sẽ được phân thành một, một số nhóm; tương ứng mỗi nhóm là mức thu cụ thể.”

c) Bổ sung Khoản 14 Điều 3 như sau:

“14. Điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng: Là điểm kinh doanh nằm trong phạm vi nhà lồng chợ, được sự chấp thuận bằng văn bản của Tổ chức quản lý chợ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hộ kinh doanh thực hiện xây dựng đúng theo thiết kế xây dựng chợ, thiết kế mẫu điểm kinh doanh và phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ của cơ quan thẩm quyền phê duyệt.”

3. Điều 4 được sửa đổi như sau:

“1. Tổ chức quản lý chợ được áp dụng hệ số thuận lợi (hệ số k) theo 03 mức ($k = 1,5$; $k = 1,3$; $k = 1$).

2. Đơn giá mức thu đầu tư tại chợ được quy định cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

3. Đối với chợ do Nhà nước đầu tư một phần và một phần do thành phần khác đóng góp xây dựng chợ: Tổ chức quản lý chợ khi tính số tiền thu đầu tư tại chợ thì áp dụng mức thu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này nhân tương ứng với tỷ lệ Nhà nước góp vốn, hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ.

4. Trường hợp, chợ đã hoàn thành thu hồi vốn đầu tư (hợp đồng thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh hết thời hạn theo cam kết góp vốn đầu tư xây dựng chợ): Thì tiếp tục thực hiện thu đầu tư bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) so với mức thu quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.”

4. Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“2. Đơn giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với hộ kinh doanh cố định được quy định cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

a) Mức thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với hộ kinh doanh cố định được tính bằng cách lấy diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh nhân với mức thu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

b) Trường hợp, tổng diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh lớn trên 5 m^2 , thì phần diện tích tăng thêm từ $5,1 \text{ m}^2$ đến 10 m^2 sẽ tính bằng 75% (bảy mươi lăm phần trăm) mức thu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định

này.

c) Trường hợp, tổng diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh lớn trên 10 m^2 , thì phần diện tích tăng thêm từ $10,1 \text{ m}^2$ đến 20 m^2 sẽ tính bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

d) Trường hợp, tổng diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh lớn trên 20 m^2 , thì phần diện tích tăng thêm từ $20,1 \text{ m}^2$ trở lên sẽ tính bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) mức thu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Đơn giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với hộ kinh doanh không cố định được quy định cụ thể tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

a) Mức giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với hộ kinh doanh không cố định được quy định tại Phụ lục III được tính tương ứng với diện tích đất chiếm không quá $3 \text{ m}^2/\text{hộ}$.

b) Trường hợp hộ kinh doanh không cố định sử dụng nhiều hơn 3 m^2 thì mức thu cho diện tích tăng thêm được tính bằng cách lấy diện tích nhân với mức thu được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này; nhưng mức thu tối đa không quá 100.000 đồng/hộ/ngày.”

5. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi như sau:

“1. Tổ chức quản lý chợ phải lập và cấp chứng từ thu (phiếu, vé, biên lai, hóa đơn,...) cho đối tượng sử dụng các dịch vụ tại chợ theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.”

6. Điểm b Khoản 4 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“b) Thực hiện ban hành Quyết định phân nhóm kinh doanh tại chợ đối với chợ được đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn để làm cơ sở cho Tổ chức quản lý chợ thực hiện thu theo quy định.”

7. Bổ sung Điểm d Khoản 6 Điều 13 như sau:

“d) Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, trên cơ sở tình hình hoạt động thực tế của chợ Tổ chức quản lý chợ có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo quy định tại Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các quy định pháp luật có liên quan.”

Điều 2.

1. Bãi bỏ Điểm b Khoản 3 Điều 3.

2. Bãi bỏ cụm từ “Tổ chức quản lý chợ” tại Khoản 2 Điều 10, Điểm a Khoản 4 Điều 10 và Khoản 1 Điều 12.

3. Bãi bỏ Phụ lục mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số

27/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng: Công an tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cá nhân, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

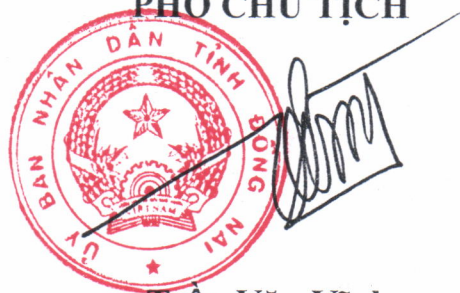
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2020.
2. Các nội dung còn lại của Quy định mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Chánh, các Phó chánh VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, THNC, KTNS.

Tram.KT (48b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

11/11/2020 10:10:10



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phụ lục I

Đơn giá thu đầu tư đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/m²/tháng

STT	Loại hình chợ	Chợ đầu mối, chợ hạng 1					Chợ hạng 2			Chợ hạng 3		
		Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố	Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác	Đối với điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng	Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố	Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác	Đối với điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng	Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố	Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác	Đối với điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng		
1	Nhóm 1	200.000	100.000	40.000	100.000	50.000	20.000	50.000	30.000	10.000		
2	Nhóm 2	175.000	80.000	35.000	80.000	40.000	16.000	40.000	25.000	8.000		
3	Nhóm 3	100.000	60.000	20.000	65.000	35.000	13.000	25.000	20.000	5.000		
4	Nhóm 4	75.000	50.000	15.000	50.000	27.000	10.000	22.000	18.000	4.400		
5	Nhóm 5	50.000	40.000	10.000	40.000	22.000	8.000	18.000	16.000	3.600		

STT	Loại hình chợ	Chợ đầu mối, chợ hạng 1			Chợ hạng 2			Chợ hạng 3		
		Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố	Đối với kinh doanh được xây bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác	Đối với điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng	Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác	Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố	Đối với điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng	Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác	Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố	Đối với điểm kinh doanh do hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng
6	Nhóm 6	35.000	30.000	7.000	18.000	30.000	6.000	16.000	14.000	3.200
7	Nhóm 7	30.000	25.000	6.000	15.000	25.000	5.000	14.000	12.000	2.800
8	Nhóm 8	25.000	20.000	5.000	12.000	20.000	4.000	12.000	10.000	2.400
9	Nhóm 9	20.000	15.000	4.000	10.000	15.000	3.000	10.000	8.000	2.000
10	Nhóm 10	15.000	10.000	3.000	8.000	10.000	2.000	8.000	6.000	1.600

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục II

Đơn giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước
đối với hộ kinh doanh cố định



(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/m²/tháng

STT	Loại hình chợ	Chợ đầu mối, Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3	Chợ đêm
1	Nhóm 1	250.000	220.000	200.000	250.000
2	Nhóm 2	220.000	200.000	180.000	200.000
3	Nhóm 3	200.000	180.000	160.000	180.000
4	Nhóm 4	150.000	130.000	100.000	130.000
5	Nhóm 5	100.000	80.000	60.000	80.000
6	Nhóm 6	70.000	60.000	50.000	60.000
7	Nhóm 7	60.000	50.000	45.000	50.000
STT		Chợ đầu mối, Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3	Chợ đêm

	Loại hình chợ		Chợ hạng 1		
	Nhóm				
8	Nhóm 8	50.000	45.000	40.000	45.000
9	Nhóm 9	45.000	40.000	35.000	40.000
10	Nhóm 10	40.000	35.000	30.000	35.000
11	Nhóm 11	35.000	30.000	27.000	30.000
12	Nhóm 12	30.000	27.000	23.000	25.000
13	Nhóm 13	25.000	23.000	20.000	20.000
14	Nhóm 14	23.000	20.000	18.000	15.000
15	Nhóm 15	20.000	18.000	15.000	10.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục III

Đơn giá thu dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước đối với hộ kinh doanh không cố định

Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai



Đơn vị tính: Đồng/hộ/ngày

STT	Loại hình chợ	Chợ đầu mối, Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3
1	Nhóm 1	50.000	48.000	45.000
2	Nhóm 2	40.000	38.000	35.000
3	Nhóm 3	30.000	28.000	25.000
4	Nhóm 4	20.000	18.000	15.000
5	Nhóm 5	15.000	13.000	10.000
6	Nhóm 6	10.000	7.000	5.000
7	Nhóm 7	8.000	6.000	4.500
8	Nhóm 8	7.000	5.000	4.000

STT	Loại hình chợ		Chợ đầu mối, Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3
	Nhóm				
9	Nhóm 9		6.000	4.000	3.500
10	Nhóm 10		5.000	3.500	3.000
11	Nhóm 11		4.000	3.000	2.500
12	Nhóm 12		3.500	2.500	2.000
13	Nhóm 13		3.000	2.000	1.500
14	Nhóm 14		2.500	1.500	1.000
15	Nhóm 15		2.000	1.000	500